

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2 NĂM 2021

Báo cáo gồm có:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2021 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm nay		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	46,732,673,668	43,095,116,318	97,524,876,694	91,152,409,913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		75,373,571	110,483,720	216,312,763	251,772,449
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		46,657,300,097	42,984,632,598	97,308,563,931	90,900,637,464
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	40,223,683,396	36,752,332,173	83,464,069,179	77,106,195,860
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,433,616,701	6,232,300,425	13,844,494,752	13,794,441,604
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	331,012,476	275,099,654	619,981,481	537,511,997
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	931,857,853	238,621,205	1,686,194,473	251,854,101
Trong đó: chi phí lãi vay	23		930,731,155	225,144,948	1,684,489,658	225,144,948
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1,109,635,866	835,288,477	2,729,625,448	1,780,029,541
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2,942,681,914	916,206,444	6,101,775,717	2,233,785,511
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,780,453,544	4,517,283,953	3,946,880,595	10,066,284,448
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,192,826,357	903,132,298	2,664,767,545	1,535,030,792
12. Chi phí khác	32	VI.8	(1)	40,053	4,694,106	40,056
13. Lợi nhuận khác	40		1,192,826,358	903,092,245	2,660,073,439	1,534,990,736
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,973,279,902	5,420,376,198	6,606,954,034	11,601,275,184
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		615,064,024	1,091,672,739	1,341,798,851	2,330,982,882
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,358,215,878	4,328,703,459	5,265,155,183	9,270,292,302

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2021 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132,401,472,902	161,358,242,527
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,559,677,386	8,910,607,965
1. Tiền	111		2,559,677,386	8,910,607,965
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92,932,849,971	125,446,708,655
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	68,756,164,210	104,466,965,530
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5,375,106,972	2,252,739,325
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	18,078,000,000	15,912,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2,000,319,718	4,091,744,729
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,276,740,929)	(1,276,740,929)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		35,418,143,457	25,233,315,035
1. Hàng tồn kho	141	V.7	35,418,143,457	25,233,315,035
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,490,802,088	1,767,610,872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	360,870,781	449,982,415
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.9	1,129,931,307	1,317,628,457
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2021 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30,930,279,764	32,136,979,037
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34,000,000	34,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	34,000,000	34,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27,996,027,376	29,486,437,300
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	27,967,046,626	29,447,228,050
<i>Nguyên giá</i>	222		35,623,757,549	35,593,596,217
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7,656,710,923)	(6,146,368,167)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	28,980,750	39,209,250
<i>Nguyên giá</i>	228		159,181,000	159,181,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(130,200,250)	(119,971,750)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,900,252,388	2,616,541,737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	2,900,252,388	2,616,541,737
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		163,331,752,666	193,495,221,564

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2021 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		85,675,244,945	100,756,369,782
I. Nợ ngắn hạn	310		69,005,528,858	86,214,153,695
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	10,003,780,140	38,820,092,615
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	282,745,968	1,824,599,534
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1,181,706,371	3,488,974,105
4. Phải trả người lao động	314	V.17	1,314,157,014	2,021,112,398
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	-	213,997,900
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	14,052,679,513	29,408,467,852
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	41,003,432,885	9,724,187,568
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1,167,026,967	712,721,723
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		16,669,716,087	14,542,216,087
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22	-	10,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23	15,628,500,000	13,491,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.24	1,041,216,087	1,041,216,087
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2021 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77,656,507,721	92,738,851,782
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	77,656,507,721	92,738,851,782
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		65,749,980,000	65,749,980,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65,749,980,000	65,749,980,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,350,096,346	2,214,333,235
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8,556,431,375	24,774,538,547
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,291,276,192	2,059,276,326
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,265,155,183	22,715,262,221
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		163,331,752,666	193,495,221,564

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc

Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2021 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 30/06/2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		79 320 786 544	94 212 814 093
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(26 830 617 642)	(81 379 446 481)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2 733 663 940)	(5 882 329 342)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1 100 908 817)	(225 144 948)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3 413 846 564)	(2 832 528 276)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4 295 188 903	749 695 169
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(44 213 141 880)	(6 645 351 191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5 323 796 604	(2 002 290 976)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2 166 000 000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41 891 329	1 124 729
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2 124 108 671)	1 124 729
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9 550 618 512)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9 550 618 512)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(6 350 930 579)	(2 001 166 247)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8 910 607 965	2 597 154 179
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		2 559 677 386	595 987 932

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp

Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Quý 02/ 2021)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 110 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 94 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	197,705,658	92,603,936
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,361,971,728	8,818,004,029
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	<u>2,559,677,386</u>	<u>8,910,607,965</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>63,248,797,059</u>	<u>97,244,738,912</u>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	60 085 149 722	82 868 242 216
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	873 142 724	2 402 037 570
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà B		
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền	690 099 924	456 344 965
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	1 100 407 527	2 107 380 649
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơ		20 375 080
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Sơn Hà FREES	499 997 162	9 390 358 432
...		
Phải thu các khách hàng khác	<u>5,507,367,151</u>	<u>7,222,226,618</u>
Các khách hàng khác	5,507,367,151	7,222,226,618
Cộng	<u>68,756,164,210</u>	<u>104,466,965,530</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	<u>5,375,106,972</u>	<u>2,252,739,325</u>
CHANGZHOU SUNNERGY ENERGY TECHN	346,180,722	
QUINGDAO SUNTY-ECO INDUSTRY & TR	212,463,607	
AIMA SPORT (TIANJIN) CO., LTD	1,036,912,502	1,007,080,898
HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD	121,274,132	228,930,624
SHENYANG YUANQI IMPORT&EXPORT C	225,990,060	225,990,060
SHANDONG LONGGUANG TIANXU SOLAR	283,960,427	
WUXI ECOOTER TECHNOLOGY CO., LTD	481,354,895	
TAIZHOU TIANBIN VEHICLE INDUSTRY C	1,768,153,750	
SHANGHAI MINIPORE INDUSTRIAL CO.,L	124,859,350	
LINYI TONGDA GLOBAL PURCHASE CO., I	359,525,376	
Các nhà cung cấp khác	414,432,151	790,737,743
Cộng	<u>5,375,106,972</u>	<u>2,252,739,325</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>15,000,000,000</i>	<i>15,000,000,000</i>
Cho Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn l	15,000,000,000	15,000,000,000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	3,078,000,000	912,000,000
Cộng	18,078,000,000	15,912,000,000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>	<i>2,000,319,718</i>	<i>-1,276,740,929</i>	<i>4,091,744,729</i>	<i>-1,276,740,929</i>
Tạm ứng	917,495,600		790,253,500	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,082,824,118	-1,276,740,929	3,301,491,229	-1,276,740,929
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Cá nhân khác	10,824,118	-204,740,929	2,229,491,229	-204,740,929
Cộng	2,000,319,718	-1,276,740,929	4,091,744,729	-1,276,740,929

6. Nợ xấu

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1,276,740,929</i>	<i>-</i>	<i>1,276,740,929</i>	<i>-</i>
Ông Hoàng trọng Thủy	204,740,929		204,740,929	
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000		536,000,000	
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000		536,000,000	
Các đối tác doanh nghiệp				
Cộng	1,276,740,929	-	1,276,740,929	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường				
Nguyên liệu, vật liệu	23,332,077,785		14,969,536,480	
Công cụ, dụng cụ	516,236,217		435,958,133	
Bao bì luân chuyển	1,425,000			
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở	432,957,593		2,287,282,655	
Thành phẩm	6,977,836,535		3,528,587,906	
Hàng hóa	4,157,610,327		4,011,949,861	
Hàng gửi đi bán				
Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	35,418,143,457		25,233,315,035	

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	360,870,781	449,982,415
Cộng	360,870,781	449,982,415

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư đầu kỳ	2,616,541,737	1,187,499,358
Tăng trong năm	1,048,658,584	2,452,806,671
Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình		
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn		-17,324,108
Phân bổ trong kỳ	-764,947,933	-1,006,440,184
Các chi phí trả trước dài hạn khác		
Cộng	<u>2,900,252,388</u>	<u>2,616,541,737</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	34,173,847,233	1,279,801,818	139,947,166	35,593,596,217
Mua trong năm/kỳ				
Đầu tư XDCB hoàn thành				
Tăng khác			30,161,332	30,161,332
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ	<u>34,173,847,233</u>	<u>1,279,801,818</u>	<u>170,108,498</u>	<u>35,623,757,549</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-5,831,059,877	-291,882,261	-23,426,029	-6,146,368,167
Khấu hao trong năm/kỳ	-1,376,600,705	-114,579,708	-19,162,343	-1,510,342,756
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ	<u>-7,207,660,582</u>	<u>-406,461,969</u>	<u>-42,588,372</u>	<u>-7,656,710,923</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>28,342,787,356</u>	<u>987,919,557</u>	<u>116,521,137</u>	<u>29,447,228,050</u>
Số cuối năm/kỳ	<u>26,966,186,651</u>	<u>873,339,849</u>	<u>127,520,126</u>	<u>27,967,046,626</u>

10. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm			159,181,000	159,181,000
Mua trong năm/kỳ				
Tặng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ			159,181,000	159,181,000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm			-119,971,750	-119,971,750
Khấu hao trong năm/kỳ			-10,228,500	-10,228,500
Tặng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ			-130,200,250	-130,200,250
Giá trị còn lại				
Số đầu năm			39,209,250	39,209,250
Số cuối năm/kỳ			28,980,750	28,980,750

11. Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2,228,572,606	30,001,198,986
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà		
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	846,441,675	1,080,979,049
Công ty TNHH Đầu tư Phát Triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	17,160,000	122,320,000
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	374,632,652	28,377,230,087
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà	990,338,279	420,669,850
Phải trả các nhà cung cấp khác	7,775,207,534	8,818,893,629
Các nhà cung cấp khác	7,775,207,534	8,818,893,629
Cộng	10,003,780,140	38,820,092,615

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		2,809,241,685	2,809,241,685	
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu		1,419,918,521	1,619,649,116	-199,730,595
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,413,653,545	1,341,798,851	3,413,846,564	1,341,605,832
Thuế thu nhập cá nhân	75,320,560	290,964,753	326,454,179	39,831,134
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất				
Tiền thuê đất				
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác		6,100,008	6,100,008	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		4,632,067	4,632,067	
Cộng	3,488,974,105	5,872,655,885	8,179,923,619	1,181,706,371

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,973,279,902	5,420,376,198
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác đ	102,040,218	37,987,497
- Các khoản điều chỉnh tăng	102,040,218	37,987,497
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	3,075,320,120	5,458,363,695
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	3,075,320,120	5,458,363,695
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phi	615,064,024	1,091,672,739
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông		
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	615,064,024	1,091,672,739
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	615,064,024	1,091,672,739

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả.

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	213,997,900
Cộng	-	213,997,900

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
...		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>14,052,679,513</i>	<i>29,408,467,852</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	800,000	
Kinh phí công đoàn	180,953,000	169,890,700
Bảo hiểm xã hội	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13,870,926,513	29,238,577,152
Cộng	14,052,679,513	29,408,467,852

15. Vay và nợ thuê tài chính

15a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>41,003,432,885</i>	<i>41,003,432,885</i>	<i>9,724,187,568</i>	<i>9,724,187,568</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV	41,003,432,885	41,003,432,885	9,724,187,568	9,724,187,568
Cộng	41,003,432,885	41,003,432,885	9,724,187,568	9,724,187,568

15b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>15,628,500,000</i>	-	<i>13,491,000,000</i>	-
Vay dài hạn ngân hàng BIDV CI	6,571,000,000		6,571,000,000	
Vay dài hạn ngân hàng Vietinbar	9,057,500,000		6,920,000,000	
Cộng	15,628,500,000	-	13,491,000,000	-

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm/kỳ</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	712,721,723	454,305,244		1,167,026,967
Quỹ phúc lợi				
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định				-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành				-
Cộng	712,721,723	454,305,244	-	1,167,026,967

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ dự phòng bảo hành + khác</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	50,000,000,000		929,475,341	263,478,565	25,758,054,965	76,687,530,306
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán						
Phát hành cổ phiếu từ LN để lại	15,749,980,000				-15,749,980,000	
Chi trả cổ tức bằng tiền					-5,000,000,000	-5,000,000,000
Thủ lao BKS, HDQT					-156,000,000	-156,000,000
Trích lập các quỹ		993,997,587	1,284,857,894	513,943,158	-2,792,798,639	-1,507,940,745
Chi từ quỹ khen thưởng				-64,700,000		
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức						
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền						
Lợi nhuận trong kỳ					22,715,262,221	22,715,262,221
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND						
...						
Số dư cuối năm trước	65,749,980,000	993,997,587	2,214,333,235	712,721,723	24,774,538,547	92,738,851,782
Số dư đầu năm nay	65,749,980,000	993,997,587	2,214,333,235	712,721,723	24,774,538,547	92,738,851,782
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán						
Phát hành cổ phiếu từ LN để lại						
Chi trả cổ tức bằng tiền					-6,574,998,000	-6,574,998,000
Thủ lao BKS, HDQT					-168,200,000	-168,200,000
Trích lập các quỹ			1,135,763,111	454,305,244	-1,590,068,355	-454,305,244
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức					-13,149,996,000	-13,149,996,000
Lợi nhuận trong kỳ					5,265,155,183	5,265,155,183
...						
Số dư cuối năm nay/kỳ này	65,749,980,000	993,997,587	3,350,096,346	1,167,026,967	8,556,431,375	77,656,507,721

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	33,533,500,000	33,533,500,000
Hoàng Mạnh Tân	7,375,000,000	7,375,000,000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6,500,000,000	6,500,000,000
Khác	18,341,480,000	18,341,480,000
Cộng	65,749,980,000	65,749,980,000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6 574 998	6 574 998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6 574 998	6 574 998
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6 574 998	6 574 998

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	10 983 241 107	12 906 627 131
Doanh thu bán thành phẩm	35 610 432 974	30 129 151 809
Doanh thu cung cấp dịch vụ	104 849 275	35 105 560
Doanh thu khác	34,150,312	24,231,818
Cộng	46,732,673,668	43,095,116,318

1b. Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Các thành viên Ban điều hành		
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Công ty CP Kinh doanh và Phát	15,257,400	21,476,400
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn I	33,096,630,298	31,984,604,996
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		383,296
Công ty TNHH một thành viên	2,868,736,894	3,742,746,143
Công ty TNHH MTV thiết bị gi	811,452,714	740,697,490
Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Dịch Vụ Sơn Hà		
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Sơn Hà FREESOLAR		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công T	3,936,872,260	3,091,045,240
Công ty TNHH Một Thành Viê	854,461,567	727,718,775
khách hàng khác	5,149,262,535	2,786,443,978
Tổng cộng	46,732,673,668	43,095,116,318

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại		50,590,909
Hàng bán bị trả lại	75,373,571	58,074,629
Giảm giá hàng bán		1,818,182
Cộng	<u>75,373,571</u>	<u>110,483,720</u>

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9,263,186,687	10,232,770,858
Giá vốn của thành phẩm đã bán	30,634,551,906	25,912,834,896
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	325,944,803	28,741,094
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác		577,985,325
Cộng	<u>40,223,683,396</u>	<u>36,752,332,173</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	40,353,007	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	636,595	573,219
Lãi từ hoạt động cho vay	277,022,465	261,780,822
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	13,000,409	12,745,613
Khác		
Cộng	<u>331,012,476</u>	<u>275,099,654</u>

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	930,731,155	225,144,948
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1,126,698	13,476,257
...		
Cộng	<u>931,857,853</u>	<u>238,621,205</u>

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	385,687,557	386,988,342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	194,312,799	5,730,087
Chi phí bảo hành	48,562,329	122,922,946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171,686,445	190,403,158
Các chi phí khác	309,386,736	129,243,944
Cộng	<u>1,109,635,866</u>	<u>835,288,477</u>

7. Chi phí quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1,415,604,421	577,586,033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	294,806,561	52,751,899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	850,951,642	28,236,453
Thuế, phí và lệ phí		92,970,263
+ Chi phí đồ dùng văn phòng		
Các chi phí khác	<u>381,319,290</u>	<u>164,661,796</u>
Cộng	<u>2,942,681,914</u>	<u>916,206,444</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1,192,826,357	903,132,298
Thu nhập khác		
Cộng	<u>1,192,826,357</u>	<u>903,132,298</u>

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	-1	40,053
Cộng	<u>-1</u>	<u>40,053</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức		
Bảo hiểm xã hội nộp hộ		

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ (SHI)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI

2. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

10/11